

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 03-11-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan;

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Bà Lâm Ngọc Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2020/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 57/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 427/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 5 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 5B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn Chị Bùi Thị L trình bày:

Chị với Anh T chung sống vợ chồng năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau thời gian chung sống hạnh

phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, gia đình bên chồng khắt khe với chị nhưng Anh T không thông cảm, chia sẻ với chị mà còn nghi ngờ, không tin tưởng chị, làm cho cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có hạnh phúc. Tuy nhiên, vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con nên chị đã nhiều lần khuyên Anh T nhưng Anh T không nghe mà ngày càng kiểm chuyện với chị, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gây gắt và vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với Anh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Trúc Đ, sinh ngày 16/02/2016 hiện do chị nuôi dưỡng cháu Đ, yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng, đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn Anh Lê Minh T: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 57/2020/HNGĐ-ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Bùi Thị L ly hôn với Anh Lê Minh T.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Thị Trúc Đ, sinh ngày 16/02/2016 cho Chị Bùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3/ Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Buộc Anh Lê Minh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Trúc Đ, sinh ngày 16/02/2016, mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu Anh T chậm thi hành tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất

theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 23/7/2020, Anh Lê Minh T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa một phần bản án sơ thẩm số 57/2020/HNGĐ-ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo hướng buộc anh chỉ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi nhằm tạo điều kiện cho anh giảm bớt khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Chị Bùi Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Anh Lê Minh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của Anh T và chị L về mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” và thụ lý, giải quyết, đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA ngày 12/3/2020 nhưng không có thông báo hoãn phiên họp hoặc biên bản không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Đến ngày 25/5/2020, Tòa án cấp sơ thẩm lập biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ (theo thông báo số 02/TB-TA ngày 27/4/2020 thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) trong biên bản không thể hiện đương sự nào vắng mặt,

đương sự nào có mặt, nhưng có ghi nội dung “Các đương sự thống nhất với ý kiến giống như biên bản hòa giải” mà không lập biên bản không tiến hành hòa giải được là chưa đầy đủ. Tòa cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Minh T và Chị Bùi Thị L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 24/5/2016 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L trình bày sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với Anh T.

Căn cứ vào lời trình bày của chị L, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L ly hôn với Anh T là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa cấp sơ thẩm chỉ dựa vào Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con khi ly hôn của Chị Bùi Thị L có xác nhận của Trưởng ấp là “Bùi Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 5B P, giải quyết ly hôn căn cứ theo luật định chuyển các cấp xem xét” chưa có xác định nguyên nhân phát sinh tranh chấp và xác định về điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm giao cháu Lê Thị Trúc Đ, sinh ngày 16/02/2016 cho Chị Bùi Thị L nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Đ. Anh T cũng đồng ý ly hôn và đồng ý giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh chỉ kháng cáo phần cấp dưỡng nuôi con nên Tòa cấp phúc thẩm xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Minh T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa một phần bản án sơ thẩm số 57/2020/HNGĐ-ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo hướng buộc anh chỉ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi nhằm tạo điều kiện cho anh giảm bớt khó khăn. Vì hoàn cảnh gia đình của anh hiện tại rất khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập chính trong gia đình từ việc đi làm thuê, phải nuôi cha mẹ già (cha Lê Văn Đ, sinh năm 1945, mẹ bà Hồ Thị T, sinh năm 1947) mất khả năng lao động thường xuyên đau bệnh.

Tại phiên tòa hôm nay Anh T và chị L thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên Anh Lê Minh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Anh Lê Minh T, sửa một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 57/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn với Anh Lê Minh T.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Thị Trúc Đ, sinh ngày 16/02/2016 cho Chị Bùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3/ Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4/ Buộc Anh Lê Minh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Trúc Đ, sinh ngày 16/02/2016, mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu Anh T chậm thi hành tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

5/ Về án phí:

Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005099 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị L đã thi hành xong án phí.

Anh Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, Anh T không phải chịu án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005686 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, h. C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan